TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bảo Long

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đánh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Quan Thị Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2026/TLST- HNGĐ ngày 11/3/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang; Căn cước công dân số 002300000820, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 15/4/2024; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang; Căn cước công dân số 002098000909, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 16/4/2024; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2026, bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/01/2021 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Thời gian ban đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, từ thời điểm khi có con thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ham chơi, rượu chè, không

tu chí làm ăn và không chăm lo cho vợ con. Hai bên gia đình nội và ngoại đều khuyên ngăn, nhưng anh L không nghe. Chị H cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị H trình bày chị và anh L có 02 con chung là các cháu Hoàng Thanh L1, sinh ngày 25/4/2021 và cháu Hoàng Xuân T, sinh ngày 02/11/2022. Hiện tại, anh L cũng có công việc ổn định và có thu nhập. Khi ly hôn chị H có quan điểm chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Xuân T. Anh Hoàng Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thanh L1. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của anh Hoàng Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Thu H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/01/2021 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Thời gian ban đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, từ khi có con vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo và vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Nay anh L cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn quan điểm của anh L là nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh L trình bày anh và chị H có 02 con chung là các cháu Hoàng Thanh L1, sinh ngày 25/4/2021 và cháu Hoàng Xuân T, sinh ngày 02/11/2022. Khi ly hôn, chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Xuân T. Anh Hoàng Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thanh L1. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ:

- Tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2026, xác minh đối với ông Hoàng Văn H1 – Trưởng thôn T1, xã X, tỉnh Tuyên Quang và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị Thu H. Ông H1 và bà N cho biết: Hiện nay, chị Hoàng Thị Thu H (con gái) và hai cháu Hoàng Thanh L1 và Hoàng Xuân T (hai cháu ngoại) đang ở cùng với hộ ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị N; Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thị Thu H sau khi tìm hiểu nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên

Quang) trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20/01/2021 và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian ban đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận. Sau khi có con, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau cuộc sống chung không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hai vợ chồng nhiều nhưng không có kết quả. Đầu năm 2025, chị H đã đưa hai đưa con về nhà ông B, bà N để sinh sống, không còn sống chung với anh L; Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Hoàng Văn L có hai con chung tên là Hoàng Thanh L1, sinh ngày 25/4/2021 và Hoàng Xuân T, sinh ngày 02/11/2022. Hiện nay, các cháu đều ở cùng với chị H và ông B và bà N sinh sống tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang. Hàng ngày, ông B và bà N giúp chị H, anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa đón các cháu đi học. Chị H hiện nay đang là sinh viên trường P1 tại phường H, tỉnh Tuyên Quang còn anh Hoàng Văn L đang lái xe của nhà xe Q tại xã B, tỉnh Tuyên Quang, ngoài những lúc đi làm thì anh L về nhà tại thôn T, xã X ở. Khi ở nhà thì anh L cũng vẫn để các con nhờ bà N và ông B (ông bà ngoại các cháu) chăm sóc, anh L có đóng góp một phần chi phí nuôi dưỡng các cháu cho ông bà; Về tài sản chung, công nợ chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

- Tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2026, xác minh đối với ông Hoàng Văn H1 – Trưởng thôn T1, xã X, tỉnh Tuyên Quang và ông Hoàng Văn L2, sinh năm 1974; địa chỉ tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang là bố đẻ của anh Hoàng Văn L. Ông H1 và ông L2 cho biết: Anh Hoàng Văn L có nơi cư trú tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay, anh L vẫn đang sống chung cùng với hộ ông L2. Anh L hiện đang lái xe của nhà xe Q chạy tuyến Hà Giang – Bắc Ninh cứ cách 2-3 ngày anh L về nhà xong lại đi hết chuyến xe lại về; Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thị Thu H sau khi tìm hiểu nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20/01/2021 và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian ban đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận. Sau khi có con thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau cuộc sống chung không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hai vợ chồng nhiều nhưng không có kết quả. Hiện nay, chị Hoàng Thị Thu H đã đưa hai cháu Hoàng Thanh L1 và Hoàng Xuân T về ở cùng với bố mẹ đẻ là ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị N, không còn sống chung với anh L; Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Hoàng Văn L có hai con chung tên là Hoàng Thanh L1, sinh ngày 25/4/2021 và Hoàng Xuân T, sinh ngày 02/11/2022. Hiện nay, các cháu còn nhỏ nên đều ở cùng với chị H và ông B và bà N sinh sống tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang. Hàng ngày, ông B và bà N giúp chị H, anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa đón các cháu đi học. Chị H hiện nay đang là sinh viên trường P1 tại phường H, tỉnh Tuyên Quang còn anh Hoàng Văn L đang lái xe của nhà xe Q tại xã B, tỉnh Tuyên Quang, ngoài những lúc đi làm thì

anh L về nhà tại thôn T, xã X ở. Khi ở nhà thì anh L cũng vẫn để các con nhờ bà N và ông B (ông bà ngoại các cháu) chăm sóc, anh L có đóng góp một phần chi phí nuôi dưỡng các cháu cho ông bà; Về tài sản chung, công nợ chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

- Tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2026 đối với ông Phùng Minh T2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên Quang và bà Ma Thị P – Chuyên viên văn phòng phụ trách Tư pháp – Hộ tịch Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên Quang. Ông T2 và bà P cung cấp thông tin: Anh Hoàng Văn L có nơi cư trú tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay, anh L vẫn đang sống chung cùng với hộ ông Hoàng Văn L2 là bố đẻ của anh L. Anh L hiện đang lái xe cho nhà xe Q chạy tuyến Hà Giang – Bắc Ninh cứ cách 2-3 ngày anh L về nhà xong lại đi hết chuyến xe lại về; Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thị Thu H sau khi tìm hiểu nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20/01/2021 và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Qúa trình chung sống hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không biết. Chỉ thấy hai vợ chồng không còn ở với nhau, không quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, chị Hoàng Thị Thu H và hai cháu Hoàng Thanh L1 và Hoàng Xuân T về ở với bố mẹ đẻ là hộ ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị N, không còn sống chung với anh L; Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Hoàng Văn L có hai con chung tên là Hoàng Thanh L1, sinh ngày 25/4/2021 và Hoàng Xuân T, sinh ngày 02/11/2022, tất cả các cháu có làm thủ tục đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên Quang). Hiện nay, các cháu đều đang ở cùng với chị H và ông bà ngoại. Về nguyện vọng của vợ, chồng, con chính quyền địa phương không nắm được.

* Tại phiên tòa mở lần thứ nhất và lần thứ hai nguyên đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 48 BLTTDS.

- Về xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết:

+ Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn L. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung; tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án xác định vụ án Hôn nhân và gia đình có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đã đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

+ Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hoàng Văn L có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của

Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của BLTTDS, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025.

- Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Thẩm phán xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn theo Điều 68 của BLTTDS.

- Về thu thập tài liệu chứng cứ: Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ: Đúng theo quy định tại các điều 93, 94, 95, 96, 97 BLTTDS.

- Thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 208 đến Điều 211 của BLTTDS; đúng với hướng dẫn Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của HĐTP TANDTC.

- Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 203 BLTTDS.

- Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu: Thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 của BLTTDS.

- Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự: Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, cho Viện kiểm sát, cho đương sự: Đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177, 179 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS: Không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hoà giải; không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 271, 273 của BLTTDS, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H, xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Thu H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Xuân T; anh Hoàng Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thanh L1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ dân sự sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000436 ngày 11 tháng 3 năm 2026.

- Quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo; Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Hoàng Văn L cùng cư trú tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang, chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh L. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của BLTTDS, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 và các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các biên bản xác minh và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy, chị Hoàng Thị Thu H và anh Hoàng Văn L đăng ký kết hôn ngày 20/01/2021, tại UBND xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang (Nay là UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh L về chung sống với gia đình ông Hoàng Văn L2 tại thôn T, xã X, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hai vợ chồng nhiều nhưng không có kết quả. Đầu năm 2025 chị H đã đưa hai con chung về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, không còn sống chung với anh L. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị H, anh L có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân. Thời gian sống ly thân đã lâu từ đầu năm 2025 đến nay nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, chị H không còn chung sống với anh L. Hai vợ chồng trong thời gian sống ly thân không có các biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng không còn tình nghĩa với nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, tại bản tự khai của anh L cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nay anh L cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và có quan điểm nhất trí ly hôn với chị H. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Thu H.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Hoàng Văn L có hai con chung là các cháu Hoàng Thanh L1, sinh ngày 25/4/2021 và Hoàng Xuân T, sinh ngày 02/11/2022. Hiện nay, các cháu đang ở cùng chị H và ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị N (ông bà ngoại của các cháu). Tuy nhiên, chị H đang là sinh viên tại Trường P1 tại phường H, tỉnh Tuyên Quang, việc nuôi cả hai con chung sẽ không đảm bảo điều kiện tốt nhất. Anh L hiện đang lái xe của nhà xe Q tại xã B, tỉnh Tuyên Quang, có công việc và thu nhập ổn định, ngoài những lúc đi làm thì anh L về nhà tại thôn T, xã X ở. Khi ở nhà thì anh L cũng vẫn để các con nhờ bà N và ông B chăm sóc, anh L có đóng góp một phần chi phí nuôi dưỡng các cháu cho ông bà. Ngoài ra, chị H và anh L đều có quan điểm là cho chị H là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Xuân T; anh L là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thanh L1. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Hoàng Xuân T cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hoàng Thanh L1 cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung để đảm bảo quyền lợi cho các cháu có điều kiện tốt nhất để phát triển.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của BLTTDS, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025) vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H. Xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Thu H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Xuân T, sinh ngày 02/11/2022; Giao cho anh Hoàng Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thanh L1, sinh ngày 25/4/2021, cho đến khi các cháu L1 và T đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về Án phí: Chị Hoàng Thị Thu H chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000436 ngày 11 tháng 3 năm 2026.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn Hoàng Thị Thu H và bị đơn Hoàng Văn L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Xuân Giang, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hoàng Trung